

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN
VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH
MỘT THÀNH VIÊN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 6
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	7 - 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	9 - 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	14 - 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	16 - 55
8. Phụ lục	56 - 57

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập bởi Quyết định số 456/QĐ-BNN-DMDN của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ngày 14 tháng 6 năm 2010 về việc hợp nhất Tổng Công ty thủy sản Việt Nam, Tổng Công ty thủy sản Hạ Long, Tổng Công ty hải sản Biển Đông thành Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310745210 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 3 năm 2011 và đăng ký lần thứ 01 ngày 26 tháng 12 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn đầu tư chủ sở hữu tại thời điểm cuối năm 908.943.165.199 VND.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : 08 38 291 924
Fax : 08 38 290 146
E-mail : seaprodex@seaprodex.vn
Mã số thuế : 0310745210

Các đơn vị trực thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu	Số 1007/34 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam.
Chi nhánh xuất nhập khẩu - Tổng Công ty thủy sản Việt – Công ty TNHH một thành viên	2-4-6 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Chi nhánh Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên - Seaprodex Lâm Đồng	Thôn Kơ Nệt, xã Bảo Thuận, huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
Chi nhánh Seaprodex Hải Phòng – Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên	Ngõ 173 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

- Khai thác thủy sản biển;
- Khai thác thủy sản nội địa;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở);
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở);

- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở);
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở)
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn đồ dung khác cho gia đình (trừ dược phẩm);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh)
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không)
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu thầu;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Quảng cáo;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế phương tiện thủy nội địa;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Cung ứng quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý);
- Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Công ty con được hợp nhất:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>	<u>Giấy phép thành lập</u>	<u>Tỷ lệ phần sở hữu</u>
Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.	Số 0200140967 ngày 11 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 05 ngày 28 tháng 12 năm 2013 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.	62,368%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Số 0100102848 ngày 22 tháng 12 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 24 tháng 11 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.	59,34%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.	Số 0400100778 ngày 14 tháng 12 năm 2006 và thay đổi lần thứ 12 ngày 27 tháng 01 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.	54,675%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.	Số 2000104323 ngày 21 tháng 12 năm 1998 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 05 tháng 11 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.	50,784%

Công ty con không được hợp nhất:

Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long với tổng vốn điều lệ 9.000.000.000 VND. Ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn đã bán toàn bộ 51% cổ phần của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long và Tập đoàn không nhận được báo cáo tài chính tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long nên không đưa vào hợp nhất trong năm.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Tập đoàn

Ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1880/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên nên toàn bộ số dư đầu năm của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số liệu năm trước của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn đã được điều chỉnh Quyết định phê duyệt này.

Lợi nhuận tăng so với năm trước chủ yếu là do cổ tức, lợi nhuận được chia.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 57).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm, Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ như sau:

Trích lập quỹ đầu tư phát triển	38.666.763.418
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	4.397.737.500
Trích lập quỹ khen thưởng ban điều hành	412.500.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	85.412.210.475
Cộng	128.889.211.393

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đang trong giai đoạn thực hiện cổ phần hóa (ngày xác định giá trị doanh nghiệp lần 1 là ngày 30 tháng 6 năm 2013) và đã tổ chức đấu giá cổ phiếu lần 01 ngày 12 tháng 12 năm 2014, lần 02 ngày 12 tháng 01 năm 2015 và dự kiến chuyển đổi sang công ty cổ phần trước ngày 16 tháng 4 năm 2015.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng thành viên và Ban điều hành quản lý của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Võ Phước Hòa	Phụ trách HĐQT	06 tháng 02 năm 2013	-
Ông Trần Tấn Tâm	Thành viên	15 tháng 3 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Tân	Thành viên	12 tháng 9 năm 2013	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Phan Thúy Anh	Kiểm soát viên phụ trách	15 tháng 3 năm 2011	-
Bà Lê Thị Thu Hiền	Thành viên	05 tháng 12 năm 2011	-

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Tấn Tâm	Tổng Giám đốc	15 tháng 3 năm 2011	-
Ông Lê Công Đức	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011	-
Ông Phạm Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Tấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011	-
Ông Lâm Hồng Thanh	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 4 năm 2011	-
Ông Nguyễn Văn Tân	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2012	Ngày 11 tháng 9 năm 2013
Bà Bùi Thị Phương Thảo	Kế toán trưởng	01 tháng 10 năm 2012	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đảm bảo rằng, Tập đoàn đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, *hvl*

Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 6 năm 2015



Số: 0638/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, được lập ngày 20 tháng 6 năm 2015, từ trang 09 đến trang 57 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của công ty kiểm toán này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán có dạng ý kiến ngoại trừ về Báo cáo tài chính đó tại ngày 31 tháng 12 năm 2013. Các ngoại trừ như sau:

- Giá trị tài sản thiếu chờ xử lý của lô thép bị chiếm dụng tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội với giá trị 13.097.174.101 VND phát sinh từ năm 2008 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 vẫn chưa được giải quyết hay trích lập dự phòng tổn thất tài sản.
- Số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH một thành viên thủy sản Hạ Long đưa vào hợp nhất năm 2013 chưa được kiểm toán.

Số đầu năm Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi số dư đầu năm báo cáo riêng của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được điều chỉnh theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 38/2014/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội sau khi được nhận Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp lần 01.

Chúng tôi xin lưu ý báo cáo riêng của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên được lập theo Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam, không áp dụng theo Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 6 năm 2015

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.735.442.819.998	1.254.004.648.942
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	853.751.604.200	452.589.020.842
1. Tiền	111		498.767.976.120	87.627.865.223
2. Các khoản tương đương tiền	112		354.983.628.080	364.961.155.619
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		148.923.658.775	66.054.179.573
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	156.903.502.575	74.203.900.503
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(7.979.843.800)	(8.149.720.930)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		348.129.277.529	424.261.135.109
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	362.505.234.623	396.432.684.537
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	10.670.721.796	13.066.563.350
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	9.440.667.905	41.308.484.887
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(34.487.346.795)	(26.546.597.665)
IV. Hàng tồn kho	140		350.763.685.869	267.979.302.317
1. Hàng tồn kho	141	V.8	373.552.032.970	270.995.343.701
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(22.788.347.101)	(3.016.041.384)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		33.874.593.625	43.121.011.101
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.105.357.903	1.580.350.987
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.155.457.363	20.056.607.287
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	4.004.719.031	2.640.128.536
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	18.609.059.328	18.843.924.291

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.139.286.091.137	1.016.414.692.663
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		244.102.650.200	280.986.057.915
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	199.121.781.023	232.046.436.376
<i>Nguyên giá</i>	222		607.767.226.139	632.161.936.689
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(408.645.445.116)	(400.115.500.313)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	41.073.299.788	40.986.830.136
<i>Nguyên giá</i>	228		46.905.830.162	45.040.393.162
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.832.530.374)	(4.053.563.026)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	3.907.569.389	7.952.791.403
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		871.797.890.697	726.273.882.629
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.15	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	182.021.431.110	180.551.359.238
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.17	736.973.223.395	547.822.523.391
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.18	(47.196.763.808)	(2.100.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		23.385.550.240	9.154.752.119
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	6.008.946.029	4.835.141.532
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	17.355.784.211	4.307.610.587
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.21	20.820.000	12.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.874.728.911.135	2.270.419.341.605

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.074.537.070.150	582.005.267.713
I. Nợ ngắn hạn	310		1.068.953.172.490	574.954.862.545
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	451.944.812.653	389.499.228.065
2. Phải trả người bán	312	V.23	19.863.623.400	56.808.880.104
3. Người mua trả tiền trước	313	V.24	21.841.893.094	19.491.576.451
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	16.379.634.827	22.949.925.759
5. Phải trả người lao động	315	V.26	51.873.943.847	37.068.478.466
6. Chi phí phải trả	316	V.27	24.777.155.721	22.158.550.562
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	473.721.218.254	22.537.551.452
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	8.550.890.694	4.440.671.686
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.583.897.660	7.050.405.168
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.30	4.027.494.000	4.909.159.673
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.31	385.662.000	1.016.978.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.32	31.813.751	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		1.138.927.909	1.124.267.495
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.644.051.614.629	1.539.864.015.814
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.644.051.614.629	1.539.864.015.814
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.33	908.943.165.199	912.910.941.585
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.33	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.33	167.067.659	167.067.659
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	V.33	502.208.550.163	502.208.550.163
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.33	71.738.724.280	12.118.128.491
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.33	5.049.833.834	4.487.997.743
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.33	103.415.102.943	82.935.425.380
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	V.33	52.529.170.551	25.035.904.793
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.34	156.140.226.356	148.550.058.078
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.874.728.911.135	2.270.419.341.605

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		4.416.775.594	1.499.780.854
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi và đầu tư dài hạn đã xử lý		20.302.607.228	38.682.469.563
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		145.689,92	90.177,32

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2015



Võ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.151.430.270.677	3.225.730.316.334
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	15.062.138.264	7.514.927.628
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	3.136.368.132.413	3.218.215.388.706
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.884.102.015.854	3.011.207.988.335
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		252.266.116.559	207.007.400.371
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	241.777.401.464	100.233.927.387
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	74.599.404.256	47.850.914.823
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.864.058.886	31.659.394.579
8. Chi phí bán hàng	24		73.011.688.571	63.292.288.410
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		150.106.385.148	142.559.691.860
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		196.326.040.048	53.538.432.665
11. Thu nhập khác	31	VI.5	13.737.347.671	36.740.017.507
12. Chi phí khác	32	VI.6	5.602.168.400	20.617.487.679
13. Lợi nhuận khác	40		8.135.179.271	16.122.529.828
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45		12.663.387.981	9.944.821.160
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		217.124.607.300	79.605.783.653
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		14.667.781.778	6.902.452.326
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	(13.110.459.043)	296.488.583
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>215.567.284.565</u>	<u>72.406.842.744</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		20.392.257.192	2.826.418.961
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		195.175.027.373	69.580.423.783
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		<u>-</u>	<u>-</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2015



Võ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		217.124.607.300	79.605.783.653
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.12, V.13	31.527.097.663	29.774.038.262
- Các khoản dự phòng	03	V.3, V.7, V.9, V.18	75.756.074.050	6.792.826.094
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	40.267.245	(113.558.829)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3, VI.7, VI.8	(241.180.882.238)	(89.593.940.636)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	23.864.058.886	31.666.853.586
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		107.131.222.906	58.132.002.130
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		91.480.221.809	(13.502.821.976)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(107.186.931.551)	(23.088.404.484)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(40.347.440.170)	3.528.088.496
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(786.856.281)	378.446.200
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.27, VI.4	(23.690.327.459)	(33.419.623.793)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.25	(16.032.372.273)	(5.146.423.136)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		461.054.140.046	3.299.766.970
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(90.887.220.389)	(28.412.307.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		380.734.436.638	(38.231.276.975)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.752.382.205)	(11.482.918.852)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		358.404.873	2.197.408.696
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(161.398.499.784)	(62.246.152.360)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		78.698.897.712	8.618.024.776
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(4.076.410.000)	(20.700.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		7.779.092.225	83.219.797.745
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		47.750.777.919	85.464.295.716
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(37.640.119.260)	85.070.455.721

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

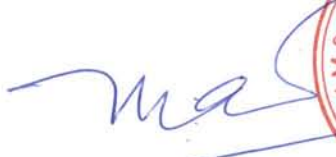
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.200.674.979.736	2.484.353.913.223
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.139.014.173.898)	(2.578.937.693.503)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.604.867.700)	(3.843.748.970)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		58.055.938.138	(98.427.529.250)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		401.150.255.516	(51.588.350.504)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	452.589.020.842	504.177.529.260
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		12.327.842	(157.914)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	853.751.604.200	452.589.020.842

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2015



Võ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Khai thác thủy sản biển; Khai thác thủy sản nội địa; Nuôi trồng thủy sản biển; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt (không hoạt động tại trụ sở); Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở); Chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất rượu vang (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất bia, mạch nha ủ men bia (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng (không hoạt động tại trụ sở); Sản xuất sản phẩm từ plastic (không hoạt động tại trụ sở); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (không hoạt động tại trụ sở); Đóng tàu và cấu kiện nổi (không hoạt động tại trụ sở); Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác), (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí tại trụ sở); Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống); Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở); Bán buôn đồ uống; Bán buôn đồ dung khác cho gia đình (trừ dược phẩm); Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh); Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

chuyên doanh; Bán lẻ nhiều loại động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG tại Thành phố Hồ Chí Minh); Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ khác liên quan đến vận tải (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển, kinh doanh bến bãi xe ô tô, vận tải hàng không); Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không hoạt động tại trụ sở); Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn đầu thầu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế phương tiện thủy nội địa; Cung ứng lao động tạm thời; Cung ứng quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài. Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Dạy nghề; Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp lý); Dịch vụ hậu cần nghề cá (cung cấp dầu, nước ngọt, lương thực, thực phẩm cho ngư dân, thu mua hải sản, dịch vụ cầu cảng, tiếp nhận hàng hải sản qua cầu cảng cho ngư dân).

4. Tổng số các công ty con : 05

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất : 04

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	Số 02 Phan Đình Phùng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.	62,37%	62,37%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	Số 20 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.	59,34%	59,34%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	Số 01 Bùi Quốc Hưng, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng.	54,68%	54,68%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	Khu vực 1, khóm 3, thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Việt Nam.	50,78%	50,78%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

Số dư đầu năm của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số liệu năm trước của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn không bao gồm số liệu của Công ty TNHH một thành viên thủy sản Hạ Long và Công ty TNHH một thành viên dịch vụ kỹ thuật hải sản Biển Đông do Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đã điều chỉnh số liệu theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 38/2014/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội sau khi được nhận Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp lần 01.

Ngày 06 tháng 6 năm 2014, Tập đoàn đã bán toàn bộ 51% cổ phần của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long và Tập đoàn không nhận được báo cáo tài chính tại ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long nên không đưa vào hợp nhất trong năm.

7. Công ty liên doanh, kết được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	Số 16/8B Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	26,01%	26,01%
Công ty cổ phần thủy sản số 5	Số 100/26 Bình Thới, phường 14, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.	28,64%	28,64%
Công ty cổ phần thủy sản số 4	Số 320 Hưng Phú, phường 09, quận 08, TP. Hồ Chí Minh.	26,90%	26,90%
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long	Số 409 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	30,61%	30,61%
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	Số 244 Bùi Văn Ba, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh.	46,36%	46,36%
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	Số 71 Lê Lai, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.	27,75%	27,75%
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	Số 8 Nguyễn Công Hoan, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.	20,00%	20,00%
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex	Số 81 Mai Thị Lựu, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	40,00%	40,00%
Công ty cổ phần xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biển Đông	Số 145A/85, phố Hạ Đình, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.	26,00%	26,00%
Công ty TNHH thủy sản Nguyễn Tiến	Số 1007/34 đường 30/4, Phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	28,00%	28,00%
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang	Số 584 Lê Hồng Phong, phường Phước Long, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.	13,45%	24,59%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Công ty liên doanh, liên kết không được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga ⁽ⁱ⁾	Trần Nãi, Phường An Lợi Đông, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh.
Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long ⁽ⁱⁱ⁾	Số 409 Lê Lai, Phường Máy Chai, Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.

(i) Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga đã hết thời hạn hợp đồng liên doanh và giấy phép đầu tư từ năm 2006 nên không đưa vào hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(ii) Ngày 11 tháng 12 năm 2014, Công ty đã bán toàn bộ cổ phần của Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long và Tập đoàn không nhận được báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long nên không đưa vào hợp nhất trong năm.

9. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên có 226 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 252 nhân viên).

10. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 17 tháng 10 năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã ra Quyết định số 1880/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên nên toàn bộ số dư đầu năm của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số liệu năm trước của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn đã được điều chỉnh Quyết định phê duyệt này.

Lợi nhuận tăng so với năm trước chủ yếu là do cổ tức, lợi nhuận được chia.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi và xử lý công nợ tồn lâu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

10. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà Công ty đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (50 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Chi phí san lấp mặt bằng, chi phí nạo vét

Chi phí san lấp mặt bằng, chi phí nạo vét bao gồm tất cả các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản. Chi phí này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy-móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

14. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá trị được đánh giá lại phục vụ cho việc cổ phần hóa. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí khác

Chi phí đi dờn văn phòng, chi phí nạo vét cầu cảng, chi duy trì tên miền, website... phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

16. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

17. Trợ cấp thôi việc

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

18. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Tập đoàn như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	30%	
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.	Không có quy định.	- Xếp loại A không quá 3 tháng lương. - Xếp loại B không quá 1,5 tháng lương. - Xếp loại C không quá 1 tháng lương.
• Quỹ thưởng Viên chức quản lý doanh nghiệp	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Viên chức quản lý doanh nghiệp.	Không có quy định.	- Xếp loại A không quá 1,5 tháng lương. - Xếp loại B không quá 1 tháng lương. - Xếp loại C không được trích.
• Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp		Phần còn lại sau khi trích lập các quỹ.	

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2013 của Chính phủ.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính tổng hợp và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013: 21.080 VND/USD
31/12/2014: 21.372 VND/USD

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.646.096.028	5.037.736.075
Tiền gửi ngân hàng	497.121.880.092	82.590.129.148
Các khoản tương đương tiền (*)	354.983.628.080	364.961.155.619
Cộng	853.751.604.200	452.589.020.842

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		11.957.748.143		11.957.748.143
- Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng	441.158	9.700.360.000	401.027	9.700.360.000
- Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	308.781	2.257.388.143	308.781	2.257.388.143
Đầu tư ngắn hạn khác		144.945.754.432		62.246.152.360
Cộng		156.903.502.575		74.203.900.503

Đầu tư ngắn hạn khác là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Số đầu năm	8.149.720.930
Hoàn nhập dự phòng	(169.877.130)
Số cuối năm	7.979.843.800

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khách hàng của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên	11.326.021.461	48.975.912.641
Khách hàng của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	126.520.826.851	83.571.829.737
Khách hàng của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	185.697.605.968	225.131.036.344
Khách hàng của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	31.718.015.420	30.230.040.415
Khách hàng của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	7.242.764.923	1.610.917.297
Khách hàng của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long		6.912.948.103
Cộng	362.505.234.623	396.432.684.537

Trong năm, sau khi điều chỉnh số liệu báo cáo theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần thì Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên có tiếp tục xử lý xóa nợ phải thu khách hàng với tổng giá trị là 4.940.287.855 VND, trong đó: Tăng chi phí quản lý doanh nghiệp với tổng giá trị là 3.112.668.369 VND và xử lý xóa sổ công nợ đã lập dự phòng với tổng giá trị là 1.827.619.486 VND đối với nợ tồn lâu không có khả năng thu hồi.

Một số khoản phải thu có tổng giá trị ghi sổ 7.314.181.680 VND (tương đương 342.264 USD) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Trả trước cho người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên	3.874.687.243	2.780.957.306
Nhà cung cấp của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	1.226.889.403	5.762.253.379
Nhà cung cấp của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	4.111.789.550	3.658.671.078
Nhà cung cấp của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1.445.655.600	-
Nhà cung cấp của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	11.700.000	852.826.587
Nhà cung cấp của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long	-	11.855.000
Cộng	<u>10.670.721.796</u>	<u>13.066.563.350</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khoản phải thu khác có khả năng thu hồi</i>	9.440.667.905	40.777.738.267
Phải thu về cổ phần hóa	-	44.289.945
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	379.226.463	2.160.717.154
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	28.277.064.900
Phải thu bảo hiểm xã hội	533.859.534	196.399.252
Phải thu tiền thuê văn phòng của Công ty cổ phần xây lắp thủy sản II	542.753.508	1.647.514.308
Phải thu tiền cổ tức và nợ vay của Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	2.293.632.741	3.366.787.653
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex	480.583.725	845.761.054
Phải thu khoản tiền thanh lý khi kết thúc hợp đồng hợp tác liên doanh với Công ty TNHH sản xuất và thương mại Năm Vàng	525.747.790	641.626.882
Phải thu phần vốn góp vào dự án xây văn phòng làm việc 22-24-26 Mạc Thị Bưởi của Công ty cổ phần xây lắp thủy sản II	1.431.817.634	-
Tiền lãi chậm trả của Doanh nghiệp tư nhân thương mại Tân Vạn Phát	1.521.188.795	-
Thuế GTGT được hoàn (Cục thuế TP. Hồ Chí Minh)	-	1.330.327.279
Thuế nhập khẩu 275 ngày	987.146.095	1.530.544.030
Tiền lãi chậm trả Công ty cổ phần địa ốc Ngọc Biển	-	128.634.283
Thuế thu nhập cá nhân phải thu của người lao động	8.872.752	20.651.652
Phải thu khác	735.838.868	587.419.875
<i>Các khoản phải thu khác khó thu hồi</i>	-	530.746.620
Ông Phan Văn Trí	-	343.294.620
Tiền lãi phải thu Công ty TNHH chế biến kinh doanh hải sản Dương Hà	-	187.452.000
Cộng	<u>9.440.667.905</u>	<u>41.308.484.887</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong năm, sau khi điều chỉnh số liệu báo cáo theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên có tiếp tục xử lý xóa nợ phải thu khác tăng chi phí quản lý doanh nghiệp với tổng giá trị là 302.912.000 VND đối với nợ tồn lâu không có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	772.863.587	502.804.149
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	879.251.547	3.100.088.928
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 03 năm	32.835.231.661	22.943.704.588
Cộng	<u>34.487.346.795</u>	<u>26.546.597.665</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	26.546.597.665
Giảm do thoái vốn Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long trong năm	(1.288.513.039)
Trích lập dự phòng bổ sung	11.056.881.655
Xóa nợ trong năm	(1.827.619.486)
Số cuối năm	<u>34.487.346.795</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	7.560.274.068	14.969.886.451
Công cụ, dụng cụ	3.209.217.176	3.492.247.824
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	136.948.030.579	128.216.505.657
Thành phẩm	112.842.877.357	53.534.664.933
Hàng hóa	109.428.025.858	70.754.939.069
Hàng gửi đi bán	3.563.607.932	27.099.767
Cộng	<u>373.552.032.970</u>	<u>270.995.343.701</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thành phẩm	17.316.270.296	86.503.129
Hàng hóa	5.472.076.805	2.929.538.255
Cộng	<u>22.788.347.101</u>	<u>3.016.041.384</u>

Tình hình biến động dự phòng hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	3.016.041.384
Trích lập dự phòng bổ sung	19.772.305.717
Số cuối năm	<u>22.788.347.101</u>

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý(*)	13.097.174.101	13.097.174.101
Tạm ứng	725.064.047	1.254.033.958
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.786.821.180	4.492.716.232
Cộng	<u>18.609.059.328</u>	<u>18.843.924.291</u>

(*) Giá trị lô thép bị chiếm dụng: Lô hàng này được mua năm 2008 và gửi tại kho của Công ty TNHH thương mại Tân Tiến theo Hợp đồng gửi kho hàng hóa số 1806/HĐGG ngày 18 tháng 6 năm 2008. Tập đoàn mua lô hàng này để bán cho Công ty TNHH thương mại và công nghệ Thái Sơn theo Hợp đồng mua bán số 16/SEA-TH/2008 ngày 16 tháng 06 năm 2008, tuy nhiên lô hàng này đã bị chiếm dụng trước khi chuyển giao hàng hóa và quyền sở hữu. Hiện tại sự việc liên quan đến lô hàng này đang được cơ quan công an điều tra làm rõ và đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 vẫn chưa có kết luận cuối cùng. Trong năm tài chính 2014, Tập đoàn mới trích lập được một phần dự phòng tổn thất cho lô thép này. (Xem thuyết minh số V.7).

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	343.341.660.524	249.075.440.944	37.257.279.883	2.487.555.338	632.161.936.689
Mua sắm mới	-	3.447.465.287	300.000.000	-	3.747.465.287
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.175.445.048	32.370.807	-	-	2.207.815.855
Phân loại lại tài sản	14.790.617.202	(14.790.617.202)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.367.373.472)	(1.683.283.795)	(770.657.473)	(121.820.500)	(3.943.135.240)
Chuyển về Công ty mua bán nợ	(4.605.892.988)	-	-	(32.100.000)	(4.637.992.988)
Giảm do giảm Công ty con	(5.313.523.566)	(11.019.413.478)	(2.545.764.824)	(89.655.000)	(18.968.356.868)
Giảm khác	(196.151.398)	(2.574.102.817)	-	(30.252.381)	(2.800.506.596)
Số cuối năm	<u>348.824.781.350</u>	<u>222.487.859.746</u>	<u>34.240.857.586</u>	<u>2.213.727.457</u>	<u>607.767.226.139</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	75.541.797.600	82.612.474.539	12.847.968.676	736.561.397	171.738.802.212
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	174.065.609.991	195.877.378.116	28.429.334.399	1.743.177.807	400.115.500.313
Khấu hao trong năm	15.352.838.653	11.963.324.117	2.204.111.136	227.856.409	29.748.130.315
Phân loại lại tài sản	11.715.977.977	(11.715.977.977)	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	(1.367.373.472)	(1.683.283.795)	(770.657.473)	(121.820.500)	(3.943.135.240)
Chuyển về Công ty mua bán nợ	(950.704.182)	-	-	(32.100.000)	(982.804.182)
Giảm do giảm Công ty con	(2.695.632.303)	(8.417.718.525)	(2.479.679.059)	(51.182.559)	(13.644.212.446)
Giảm khác	(123.497.532)	(2.494.283.731)	-	(30.252.381)	(2.648.033.644)
Số cuối năm	<u>195.997.219.132</u>	<u>183.529.438.205</u>	<u>27.383.109.003</u>	<u>1.735.678.776</u>	<u>408.645.445.116</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	169.276.050.533	53.198.062.828	8.827.945.484	744.377.531	232.046.436.376
Số cuối năm	152.827.562.218	38.958.421.541	6.857.748.583	478.048.681	199.121.781.023
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	69.642.866	-	69.642.866
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Chi phí khấu hao tài sản cố định hiện Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đang trích theo giá trị đánh giá lại giá trị doanh nghiệp lần 01.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 122.717.179.483 VND và 33.646.520.443 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Chi phí đền bù, san lấp mặt bằng	Chi phí nạo vét	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	40.173.708.762	1.179.260.881	3.067.724.283	514.356.000	105.343.236	45.040.393.162
Mua trong năm	-	227.237.000	-	-	-	227.237.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.638.200.000	-	-	-	-	1.638.200.000
Số cuối năm	41.811.908.762	1.406.497.881	3.067.724.283	514.356.000	105.343.236	46.905.830.162
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	2.431.053.890	285.095.859	1.026.327.617	205.742.424	105.343.236	4.053.563.026
Khấu hao trong năm	1.347.912.877	244.891.367	160.445.304	25.717.800	-	1.778.967.348
Số cuối năm	3.778.966.767	529.987.226	1.186.772.921	231.460.224	105.343.236	5.832.530.374
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	37.742.654.872	894.165.022	2.041.396.666	308.613.576	-	40.986.830.136
Số cuối năm	38.032.941.995	876.510.655	1.880.951.362	282.895.776	-	41.073.299.788
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 4.183.023.840 VND và 3.868.565.743 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	6.404.000	-	-	6.404.000
XDCB dở dang	7.952.791.403	2.507.773.420	(3.509.859.491)	(3.049.539.943)	3.901.165.389
- Công trình 22-24-26 Mạc Thị Bưởi	2.636.913.943	-	-	(2.636.913.943)	-
- Công trình khách sạn Blue Sapphia - Vũng Tàu.	225.822.947	3.630.909	-	-	229.453.856
- Dự án 211 Nguyễn Thái Học.	1.931.818.179	207.747.454	-	-	2.139.565.633
- Dự án số 07 Nơ Trang Long	12.160.000	-	-	-	12.160.000
- Dự án số 02 Ngô Gia Tự Hà Nội.	109.694.182	-	-	-	109.694.182
- Thi công nạo vét cầu cảng	22.282.427	13.631.702	-	-	35.914.129
- Nhà cửa, vật kiến trúc	-	1.768.841.500	(1.768.841.500)	-	-
- Máy móc và thiết bị	-	32.370.807	(32.370.807)	-	-
- Nhà vệ sinh cầu cảng	70.447.184	-	(70.447.184)	-	-
- Công trình xây dựng nhà máy thủy sản tại Đầm Cùng	2.265.184.002	54.264.160	(1.638.200.000)	-	681.248.162
- Dàn làm lạnh phân xưởng 1 (Code DL190)	-	427.286.888	-	-	427.286.888
- Hệ xe triển 6500 tấn Vật Cách	265.842.539	-	-	-	265.842.539
- Công trình xây dựng cơ bản của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long thoái vốn trong năm	412.626.000	-	-	(412.626.000)	-
Cộng	7.952.791.403	2.514.177.420	(3.509.859.491)	(3.049.539.943)	3.907.569.389

15. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam ⁽ⁱ⁾	Sửa chữa, đóng mới tàu thủy sản; gia công giấy vàng mã xuất khẩu; kinh doanh hàng hóa tổng hợp	56.249.660.000 VND	62,37%	62,37%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội ⁽ⁱⁱ⁾	Sản xuất, chế biến, dịch vụ, thương mại	100.000.000.000 VND	59,34%	59,34%
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	100.000.000.00 VND	54,68%	54,68%

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Hoạt động chính	Vốn điều lệ	Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn ^(iv)	Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng thủy sản	50.000.000.000 VND	50,78%	50,78%
Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long ^(v)	Hàng hải, đóng tàu thuyền	9.000.000.000 VND	-	51,00%

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200140967 thay đổi lần thứ 05 ngày 28 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam 35.082.000.000 VND, tương đương 62,37% vốn điều lệ.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103012492 ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội 59.340.000.000 VND, tương đương 59,34% vốn điều lệ.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400100778 thay đổi lần thứ 11 ngày 02 tháng 01 năm 2014 do Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung 54.675.380.000 VND, tương đương 54,68% vốn điều lệ.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2000104323 thay đổi lần thứ 15 ngày 03 tháng 4 năm 2014 do Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn 25.392.170.000 VND, tương đương 50,78% vốn điều lệ.
- (v) Trong năm Công ty đã bán hết cổ phiếu của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long với giá bán là 12.900 VND/ cổ phiếu.

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga ⁽ⁱ⁾		40.000.000.000		40.000.000.000
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	130.050	2.926.284.376	130.050	3.021.734.795
Công ty cổ phần thủy sản số 5	693.000	10.080.449.756	693.000	10.070.424.442
Công ty cổ phần thủy sản số 4	4.347.000	76.752.183.447	4.347.000	76.740.553.300
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long	21.120	2.252.074.697	21.120	2.238.043.877
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	1.387.360	32.084.820.533	1.387.360	29.621.202.128
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	640.000	7.311.024.691	640.000	7.390.197.999
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex	100.000	337.103.146	100.000	473.992.054
Công ty cổ phần xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biển Đông	130.000	1.338.329.536	130.000	1.349.763.105

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần thủy sản 584 Nha Trang ⁽ⁱⁱ⁾	432.012	4.058.604.180	357.036	3.052.370.351
Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	-	-	255.326	1.831.240.027
Công ty TNHH thủy sản Nguyễn Tiến		4.880.556.748		4.761.837.160
Cộng		182.021.431.110		180.551.359.238

- (i) Khoản góp vốn liên doanh vào Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga 40.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 50%. Công ty liên doanh này đã ngừng hoạt động và không được cấp Giấy phép từ 31 tháng 5 năm 2007. Hiện nay, Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã có Quyết định số 8763/QĐ/UBND ngày 05 tháng 7 năm 2012 về việc bồi thường hỗ trợ chi phí di dời để phục vụ quy hoạch xây dựng khu đô thị Thủ Thiêm, giá trị đền bù là 9.009.968.771 VND.
- (ii) Trong năm Công ty đã bán hết cổ phiếu của Công ty cổ phần khai thác & dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long với giá bán là 7.600 VND/ Cổ phiếu.
- (iii) Trong năm Công ty đã bán hết cổ phiếu của Công ty cổ phần khai thác & dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long với giá bán là 7.600 VND/ Cổ phiếu.

17. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu				
Công ty cổ phần kỹ nghệ lạnh ⁽ⁱ⁾	3.114.000	57.609.000.000	2.076.000	47.229.000.000
Công ty cổ phần thiết bị hàng hải - Mecom	10.000	1.317.494.200	10.000	1.317.494.200
Công ty cổ phần thủy đặc sản	194.400	21.152.926.669	194.400	21.152.926.669
Công ty cổ phần thủy sản số 1 ⁽ⁱⁱ⁾	990.000	19.668.000.000	660.000	15.708.000.000
Công ty cổ phần xây lắp thủy sản II	128.000	2.975.285.914	128.000	2.975.285.914
Công ty cổ phần Biển Tây	47.002	455.000.000	47.002	455.000.000
Công ty cổ phần bao bì thủy sản	17.000	414.173.802	17.000	414.173.802
Công ty cổ phần đầu tư kinh doanh phát triển nhà	2.000	2.000.000.000	2.000	2.000.000.000
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản	189.000	3.080.000.000	189.000	3.080.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật công trình Việt Nam	425.600	6.822.220.353	425.600	6.822.220.353
Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Mỹ	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty cổ phần vật tư thủy sản Việt Nam	159.868	1.598.676.401	159.868	1.598.676.401



TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco ⁽ⁱⁱⁱ⁾	34.945.058	583.832.085.190	17.472.529	409.106.795.190
Công ty cổ phần Đại Dương	1.500	150.000.000	1.500	150.000.000
Công ty cổ phần Aquafeed Cửu Long	255.192	2.100.000.000	255.192	2.100.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam	465.008	4.263.789.261	465.008	4.263.789.261
Công ty cổ phần đông lạnh Qui	93.140	816.410.000	70.000	700.000.000
Chi nhánh Công ty cổ phần Anh Minh Quân ^(iv)		31.000.024		62.000.020
Đầu tư dài hạn khác	1.189.383	26.187.161.581	1.189.383	26.187.161.581
Cộng		736.973.223.395		547.822.523.391

- (i) Cổ phiếu Công ty cổ phần kỹ nghệ lạnh tăng do nhận cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 28 tháng 3 năm 2014 với giá trị tương ứng là 10.380.000.000 VND. Đồng thời ghi giảm 6.539.400.000 VND do đánh giá lại khoảng đầu tư này theo giá chứng khoán trên sàn giao dịch HSX tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.
- (ii) Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy sản số 1: tăng do mua thêm 330.000 cổ phiếu với giá mua là 12.000 VND/ cổ phiếu.
- (iii) Cổ phiếu Công ty cổ phần Việt Pháp sản xuất thức ăn gia súc Proconco: tăng do nhận cổ phiếu thưởng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014 với giá trị tương ứng là 174.725.290.000 VND.
- (iv) Giá trị đầu tư vào Chi nhánh Công ty cổ phần Anh Minh Quân giảm là do Chi nhánh Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu thu hồi khấu hao đối với tài sản đã góp vốn.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	35.495.015.615	-
- Công ty liên doanh Thủy sản Việt Nga	35.495.015.615	-
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	11.701.748.193	2.100.000.000
- Công ty cổ phần kỹ nghệ lạnh	6.539.400.000	-
- Công ty cổ phần bao bì thủy sản	29.755.226	-
- Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu thủy sản	1.085.926.239	-
- Công ty cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Phú Mỹ	1.946.666.728	-
- Công ty cổ phần Aquafeed Cửu Long	2.100.000.000	2.100.000.000
Cộng	47.196.763.808	2.100.000.000

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	2.100.000.000
Trích lập dự phòng bổ sung	45.096.763.808
Số cuối năm	47.196.763.808

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Chi phí di dời văn phòng	482.885.492	-	(181.082.060)	-	301.803.432
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.355.478.929	2.571.303.273	(1.285.680.625)	-	2.641.101.577
Chi phí sửa chữa	2.432.292.245	1.426.551.257	(1.507.153.153)	-	2.351.690.349
Chi phí nạo vét cầu cảng	-	283.181.818	(70.800.000)	-	212.381.818
Chi duy trì tên miền, website	8.964.270	30.100.000	(6.302.096)	-	32.762.174
Chi phí tiền thuê đất	-	212.992.040	-	-	212.992.040
Chi phí trả trước của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long thoái vốn trong năm	88.044.868	-	-	(88.044.868)	-
Chi phí khác	467.475.728	162.363.000	(373.624.089)	-	256.214.639
Cộng	4.835.141.532	4.686.491.388	(3.424.642.023)	(88.044.868)	6.008.946.029

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	4.307.610.587
Số phát sinh	13.048.173.624
Số cuối năm	17.355.784.211

21. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn.

22. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn cá nhân và tổ chức</i>	1.179.000.000	1.225.000.000
Vay ngắn hạn Văn phòng Tỉnh Ủy Nam Định	1.000.000.000	1.100.000.000
Hội hưu trí Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	45.000.000	45.000.000
Bà Trần Bạch Tuyết	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Đình Nhựt	14.000.000	50.000.000
Bà Phạm Thanh Yến	30.000.000	-
Bà Phùng Thị Ngọc Bích	60.000.000	-
Vay ngắn hạn các ngân hàng	450.134.496.653	387.551.674.065
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	107.338.236.122	123.953.557.106
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	32.901.590.841	17.331.755.607

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long	47.901.579.822	12.916.657.196
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngũ Hành Sơn	56.409.551.942	11.158.341.594
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	21.710.686.318	7.115.611.250
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	15.500.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng	78.393.315.457	119.387.403.632
Ngân hàng thương mại cổ phần xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình	14.833.017.606	-
Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau	80.244.350.000	61.945.800.000
Ngân hàng liên doanh VID Public - Chi nhánh Đà Nẵng	7.120.377.645	18.242.547.680
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau	3.281.790.900	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (Xem thuyết minh số V.31)</i>	<i>631.316.000</i>	<i>722.554.000</i>
Cộng	<u>451.944.812.653</u>	<u>389.499.228.065</u>
23. Phải trả người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên	2.884.251.857	8.170.666.196
Tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	1.815.474.854	14.326.412.710
Tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	12.134.972.932	24.132.396.040
Tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	1.704.761.575	8.498.796.232
Tại Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	1.324.162.182	1.344.510.761
Tại Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long	-	336.098.165
Cộng	<u>19.863.623.400</u>	<u>56.808.880.104</u>
24. Người mua trả tiền trước		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Tổng Công ty thủy sản Việt Nam - Công ty TNHH một thành viên	168.421.910	300.236.444
Tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Hà Nội	4.215.684.079	4.366.642.671
Tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Miền Trung	1.133.321.380	4.273.983.523
Tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu thủy sản Năm Căn	383.881.920	2.199.476.009
Tại Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu thủy sản Việt Nam	15.940.583.805	8.310.337.805
Tại Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long	-	40.899.999
Cộng	<u>21.841.893.094</u>	<u>19.491.576.451</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	175.627.402	69.831.664.559	(68.975.689.923)	-	1.031.602.038
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	40.682.458.608	(40.682.458.608)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.282.822.243	11.979.223.236	(12.293.736.599)	-	968.308.880
Thuế thu nhập doanh nghiệp(*)	(2.640.128.536)	14.667.781.778	(16.032.372.273)	-	(4.004.719.031)
Thuế thu nhập cá nhân	193.415.852	1.940.001.347	(1.684.596.860)	-	448.820.339
Thuế nhà đất	-	212.621.668	(212.621.668)	-	-
Tiền thuê đất	16.983.978.884	8.351.243.636	(12.907.895.371)	-	12.427.327.149
Thuế môn bài	-	20.000.000	(20.000.000)	-	-
Thuế tài nguyên	1.195.800	23.482.350	(23.221.270)	-	1.456.880
Thuế đất phi nông nghiệp	-	29.168.018	(29.168.018)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.549.179.118	673.889.636	(1.720.949.213)	-	1.502.119.541
Thuế phải nộp của Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long thoái vốn trong năm	1.763.706.460	-	-	(1.763.706.460)	-
Cộng	<u>20.309.797.223</u>	<u>148.411.534.836</u>	<u>(154.582.709.803)</u>	<u>(1.763.706.460)</u>	<u>12.374.915.796</u>

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

26. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả người lao động.

27. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	22.722.244.177	15.218.172.567
Chi phí lãi vay	394.174.021	220.442.594
Chi phí cho dự án Mạc Thị Bưởi	-	3.816.091.506
Chi phí thuê văn phòng	-	146.512.800
Chi phí tư vấn và hoa hồng	388.256.132	245.520.450
Chi phí kiểm hàng	170.065.011	186.460.280
Chi phí dự án tôm sinh thái	658.866.042	26.046.100
Chi phí chiết khấu thương mại	36.374.071	212.139.710
Chi phí tiền điện tháng 12 khu Vật Cách	-	96.027.330
Chi phí phải trả khác	407.176.267	1.991.137.225
Cộng	<u>24.777.155.721</u>	<u>22.158.550.562</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	21.277.194
Bảo hiểm xã hội	187.882.056	1.158.873.340
Kinh phí công đoàn	1.291.799.026	1.182.477.408
Cổ tức phải trả	5.980.165.431	2.414.578.158
Phải trả về cổ phần hóa	453.820.952.696	184.435.488
Phải trả Công ty TNHH Tài Tâm	130.664.000	130.664.000
Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn Nhà Nước	306.810.525	-
Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam	71.394.789	-
Phải trả tiền mua cá giống cho Công ty TNHH Tâm Việt chưa có hóa đơn	70.000.000	-
Phải trả các khoản thưởng, phúc lợi cho người lao động	72.000.000	-
Phải trả Công ty Nam Đô về tiền nước sinh hoạt	289.021.634	289.021.634
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	138.000.000
Khen thưởng Ban điều hành – phần vượt kế hoạch	1.239.337.177	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.919.070.920	15.220.183.551
Nhận tiền ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.342.120.000	1.798.040.679
Cộng	<u>473.721.218.254</u>	<u>22.537.551.452</u>

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Giảm khác (*)</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ phúc lợi hình thành tài sản	327.289.545	-	-	(26.375.200)	300.914.345
Quỹ khen thưởng	3.538.068.481	5.739.114.735	(3.279.975.414)	-	5.997.207.802
Quỹ phúc lợi	527.055.275	3.421.563.096	(2.372.298.842)	-	1.576.319.529
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	48.258.385	738.190.633	(110.000.000)	-	676.449.018
Cộng	<u>4.440.671.686</u>	<u>9.898.868.464</u>	<u>(5.762.274.256)</u>	<u>(26.375.200)</u>	<u>8.550.890.694</u>

(*) Khấu hao tài sản cố định giảm nguồn.

30. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh nghiệp tư nhân may mặc Cao Minh	328.860.000	328.860.000
Công ty cổ phần đầu tư quốc tế Nam Phương	168.504.000	168.504.000
Công ty cổ phần Trung Nguyên Franchising	1.411.500.000	1.411.500.000
Công ty TNHH Wuttisak Clinic	873.800.000	873.800.000
Công ty cổ phần thương mại tư vấn đầu tư xây dựng Bách Khoa Việt	-	303.000.000
Công ty TNHH Sayam Ineternational	-	208.278.000
Công ty TNHH thương mại Kim Thịnh Phát	40.500.000	40.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.204.330.000	1.574.717.673
Cộng	<u>4.027.494.000</u>	<u>4.909.159.673</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**31. Vay và nợ dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Năm Căn ⁽¹⁾	140.000.000	280.000.000
Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau ⁽²⁾	245.662.000	736.978.000
Cộng	<u>385.662.000</u>	<u>1.016.978.000</u>

- (1) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh huyện Năm Căn với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, áp dụng theo hình thức thả nổi định kỳ điều chỉnh tối thiểu 6 tháng/lần, để mua trang thiết bị phục vụ cho dự án sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị.
- (2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Cà Mau với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc thiết bị.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Từ 01 năm trở xuống	631.316.000
Trên 01 năm đến 05 năm	385.662.000
Trên 05 năm	-
Tổng nợ	<u>1.016.978.000</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Số đầu năm	1.016.978.000
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	<u>(631.316.000)</u>
Số cuối năm	<u>385.662.000</u>

32. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	
Số đầu năm	-
Phát sinh trong năm	<u>31.813.751</u>
Số cuối năm	<u>31.813.751</u>

33. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản

Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên thực hiện đánh giá lại tài sản phục vụ cho việc cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 38/2014/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội. Số liệu đánh giá lại tài sản đã được phê duyệt theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.392	2.392
Tiền gửi ngân hàng	21.630.000	21.630.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	21.996.593.090	21.996.593.090

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu	(323.594.328)	(323.594.328)
Công cụ dụng cụ	229.416.718	229.416.718
Thành phẩm	(133.168.560)	(133.168.560)
Tài sản cố định - Nhà cửa vật kiến trúc	13.218.107.197	13.218.107.197
Tài sản cố định - Máy móc thiết bị	899.442.358	899.442.358
Tài sản cố định - Phương tiện vận tải	222.759.992	222.759.992
Tài sản cố định - Thiết bị dụng cụ quản lý	33.506.622	33.506.622
Tài sản cố định vô hình	13.660.361.362	13.660.361.362
Đầu tư tài chính dài hạn khác	452.383.493.320	452.382.943.320
Cộng	<u>502.208.550.163</u>	<u>502.208.000.163</u>
34. Lợi ích của cổ đông thiểu số		
Số đầu năm	148.550.058.078	
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số trong năm	20.392.257.192	
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận trong năm	(7.238.154.515)	
Giảm do thoái vốn Công ty cổ phần cơ khí đóng tàu Hạ Long trong năm	(3.645.816.757)	
Giảm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(1.918.117.642)	
Cộng	<u>156.140.226.356</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	3.151.430.270.677	3.225.730.316.334
– Doanh thu bán hàng hóa	1.373.778.231.637	1.689.974.904.217
– Doanh thu bán thành phẩm	1.596.155.582.091	1.338.596.858.359
– Doanh thu cung cấp dịch vụ	181.496.456.949	197.158.553.758
Các khoản giảm trừ doanh thu	(15.062.138.264)	(7.514.927.628)
– Chiết khấu thương mại	(76.757.039)	-
– Giảm giá hàng bán	(14.698.550)	(18.938.000)
– Hàng bán bị trả lại	(14.970.682.675)	(7.495.989.628)
Doanh thu thuần	<u>3.136.368.132.413</u>	<u>3.218.215.388.706</u>
Trong đó:		
– Doanh thu bán hàng hóa	1.373.778.231.637	1.689.706.736.317
– Doanh thu bán thành phẩm	1.581.093.443.827	1.331.350.098.631
– Doanh thu cung cấp dịch vụ	181.496.456.949	197.158.553.758

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.327.473.116.444	1.593.826.556.896
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	1.451.523.453.314	1.298.072.200.687
Giá vốn dịch vụ	85.333.140.379	116.714.616.984
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	19.772.305.717	2.594.613.768
Cộng	<u>2.884.102.015.854</u>	<u>3.011.207.988.335</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ tức, lợi nhuận được chia	199.970.796.440	40.079.100.377
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	25.979.400.058	33.612.466.870
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	241.240.316	815.946.033
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.389.250.385	6.836.501.233
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	816.655.381
Lãi thanh lý công ty con	2.126.474.395	-
Lãi từ hợp đồng liên doanh	162.237.577	53.000.004
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	5.057.556.500
Lãi tiền cho vay	-	180.789.152
Lãi bán hàng trả chậm	9.892.088.359	11.784.249.394
Lãi do chậm góp vốn	-	971.360.098
Doanh thu hoạt động tài chính khác	15.913.934	26.302.345
Cộng	<u>241.777.401.464</u>	<u>100.233.927.387</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	45.096.763.808	4.800.049.291
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn	(169.877.130)	26.600.121
Chi phí lãi vay	23.864.058.886	31.659.394.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.765.524.810	9.343.383.465
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	40.267.245	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	-	115.876.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	303.678.670	386.864.594
Chi phí khác	698.987.967	1.518.746.773
Cộng	<u>74.599.404.256</u>	<u>47.850.914.823</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	6.170.082.549	7.293.556.963
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	559.611.340	421.967.116
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	437.393.557	22.982.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	627.359.803	425.331.287
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.070.027.375	16.242.194.484
Chi phí bằng tiền khác	45.147.213.947	38.886.255.717
Cộng	<u>73.011.688.571</u>	<u>63.292.288.410</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	76.590.312.233	70.002.970.242
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.430.700.585	4.035.973.862
Chi phí đồ dùng văn phòng	3.865.340.601	469.335.115
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.237.795.581	6.104.874.702
Thuế, phí và lệ phí	14.142.540.510	26.055.655.380
Chi phí dự phòng	18.775.422.945	3.994.376.725
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.768.595.601	14.328.977.977
Chi phí bằng tiền khác	15.295.677.092	17.567.527.857
Cộng	<u>150.106.385.148</u>	<u>142.559.691.860</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu từ thanh lý tài sản cố định	358.404.873	2.216.411.423
Thanh lý vật tư, dụng cụ	196.984.546	36.363.637
Thu nhập từ thù lao người đại diện phần vốn	1.612.480.496	1.200.851.260
Thu nhập từ khoản hỗ trợ kinh phí di dời	-	8.545.391.718
Lãi phạt do khách hàng chậm thanh toán	5.001.238.826	2.404.339.449
Thu từ cho thuê kho bãi, mặt bằng	-	1.077.393.382
Thu nhập từ Dự án Mạc Thị Bưởi	2.471.477.676	15.061.770.164
Bảo hiểm bồi thường	-	149.027.490
Thu hồi công nợ đã xóa	-	22.425.401
Thu bồi thường vật tư bị mất	-	18.181.818
Các khoản thu nhập khác	4.096.761.254	6.007.861.765
Cộng	<u>13.737.347.671</u>	<u>36.740.017.507</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	79.819.086	14.093.636
Chi bồi thường, phạt hành chính	-	215.719.508
Chi thù lao người đại diện phần vốn	1.233.362.984	1.394.108.573
Chi phí liên quan đến Dự án Mạc Thị Bưởi	2.471.477.676	15.061.770.164
Thuế bị truy thu, bị phạt	1.175.151.921	2.000.000
Chi phí khác	642.356.733	3.929.795.798
Cộng	<u>5.602.168.400</u>	<u>20.617.487.679</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế và được khấu trừ. (Xem thuyết minh V.32 và VI.20)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đang trong giai đoạn thực hiện cổ phần hóa (ngày xác định giá trị doanh nghiệp lần 01 là ngày 30 tháng 6 năm 2013). Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đã tổ chức đấu giá cổ phiếu lần 01 ngày 12 tháng 12 năm 2014, lần 02 ngày 12 tháng 01 năm 2015 và dự kiến chuyển đổi sang công ty cổ phần trước ngày 16 tháng 4 năm 2015.

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (không bao gồm thu nhập các thành viên quản lý chủ chốt của Chi nhánh Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Cảng cá Cát Lở Vũng Tàu) là 4.497.950.148 VND (năm trước là 3.883.878.686 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga	Công ty liên doanh
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thủy sản số 5	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thủy sản số 4	Công ty liên kết
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex	Công ty liên kết
Công ty cổ phần xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biên Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần khai thác và dịch vụ khai thác thủy sản Hạ Long	Công ty liên kết
Công ty TNHH thủy sản Nguyễn Tiến	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè		
Cổ tức được chia	52.020.000	130.043.500
Công ty cổ phần thủy sản số 5		
Cổ tức được chia	415.800.000	945.000.000
Lãi vay phải thu	-	269.194.443
Doanh thu cho thuê mặt bằng	-	21.818.182
Công ty cổ phần thủy sản số 4		
Cổ tức được chia	3.477.600.000	-
Công ty cổ phần chế biến thủy sản Hạ Long		
Cổ tức được chia	63.360.000	63.360.000
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản		
Chuyển giao công nợ cho công ty mua bán nợ	600.000.000	-
Chuyển công nợ từ đầu tư ngắn hạn sang phải thu khác	-	18.740.000.000
Chuyển tiền vốn góp của An Pha	-	2.555.440.000

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty cổ phần đồ hộp Hạ Long		
Cổ tức được chia	2.081.040.000	2.081.040.000
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long		
Cổ tức được chia	128.000.000	-
Công ty TNHH thủy sản Nguyễn Tiến		
Bán nước đá	860.804.670	762.147.980
Cho thuê mặt bằng	1.116.000.000	1.178.695.576
Dịch vụ điện, nước	20.590.253.551	16.784.938.052
Công ty cổ phần xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biển Đông		
Cổ tức được chia	56.600.939	-
Thu nhập từ dự án Mạc Thị Bưởi	318.398.590	-
Thu tiền vốn góp đợt 01	-	1.002.000
Doanh thu quản lý tòa nhà, điện, giữ xe	30.851.942	101.555.317
Thu nhập từ việc thu lại tiền lệ phí trước bạ nhà đất	3.828.740	-
Thu nhập từ việc thu lại tiền lắp đặt bảng hiệu sơ đồ lối thoát hiểm	488.160	-
Thu nhập từ việc thu lại tiền lắp đặt bình giãn nở cho phòng bơm - PCCC	1.273.407	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần đóng sửa tàu Nhà Bè		
Phải thu khác	-	65.018.500
Công ty cổ phần công nghiệp thủy sản		
Phải thu khác	2.293.632.741	3.366.787.653
Công ty cổ phần dịch vụ nuôi trồng thủy sản Hạ Long		
Phải thu khác	-	256.000.000
Công ty liên doanh thủy sản Việt Nga		
Phải thu khác	-	52.000.000
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex		
Phải thu cổ phần hóa	845.761.054	845.761.054
Công ty TNHH thủy sản Nguyễn Tiến		
Phải thu tiền bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ	473.809.696	874.773.431
Công ty cổ phần xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biển Đông		
Phải thu tiền phí dịch vụ	7.066.410	-
Cộng nợ phải thu	<u>3.620.269.901</u>	<u>5.460.340.638</u>
Công ty cổ phần thương mại quảng cáo Seaprodex		
Phải trả khác	365.177.329	365.177.329
Công ty cổ phần xuất khẩu lao động và dịch vụ thương mại Biển Đông		
Phải trả khác	19.252.460	50.045.588
Cộng nợ phải trả	<u>384.429.789</u>	<u>415.222.917</u>

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đã thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang của Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	2.979.604.170	2.755.151.370
Trên 1 năm đến 5 năm	8.900.144.278	9.436.533.439
Trên 5 năm	41.293.824.851	43.344.729.821
Cộng	<u>53.173.573.299</u>	<u>55.536.414.630</u>

Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 1996 đến năm 2062 và có khả năng được gia hạn thêm. Chi phí thuê được điều chỉnh tăng lên hàng năm theo giá thuê trên thị trường.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc ứng trước tiền hàng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	853.751.604.200	-	-	-	853.751.604.200
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	144.945.754.432	-	-	-	144.945.754.432
Phải thu khách hàng	340.536.015.822	-	-	21.969.218.801	362.505.234.623
Các khoản phải thu khác	1.418.064.865	-	-	11.309.238.591	12.727.303.456
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	675.247.953.936	-	-	73.683.017.602	748.930.971.538
Cộng	2.015.899.393.255	-	-	106.961.474.994	2.122.860.868.249
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	452.589.020.842	-	-	-	452.589.020.842
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	62.246.152.360	-	-	-	62.246.152.360
Phải thu khách hàng	373.058.270.895	-	-	23.374.413.642	396.432.684.537
Các khoản phải thu khác	40.792.635.938	-	-	1.963.294.620	42.755.930.558
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	546.977.290.604	-	-	12.802.980.930	559.780.271.534
Cộng	1.475.663.370.639	-	-	38.140.689.192	1.513.804.059.831

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	451.944.812.653	385.662.000	-	452.330.474.653
Phải trả người bán	19.863.623.400	-	-	19.863.623.400
Các khoản phải trả khác	495.707.355.716	4.027.494.000	-	499.734.849.716
Cộng	967.515.791.769	4.413.156.000	-	971.928.947.769
Số đầu năm				
Vay và nợ	389.499.228.065	1.016.978.000	-	390.516.206.065
Phải trả người bán	56.808.880.104	-	-	56.808.880.104
Các khoản phải trả khác	42.195.474.072	4.909.159.673	-	47.104.633.745
Cộng	488.503.582.241	5.926.137.673	-	494.429.719.914

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của lãi suất, giá chứng khoán để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn có lãi suất thả nổi.

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm gửi tiền có kỳ hạn thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	354.983.628.080	364.961.155.619
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	144.945.754.432	62.246.152.360
Vay và nợ	(452.330.474.653)	(390.516.206.065)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	47.598.907.859	36.691.101.914

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty thủy sản Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất đến lợi nhuận-sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	853.751.604.200	-	452.589.020.842	-	853.751.604.200	452.589.020.842
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	144.945.754.432	-	62.246.152.360	-	144.945.754.432	62.246.152.360
Phải thu khách hàng	362.505.234.623	(21.969.218.801)	396.432.684.537	(23.374.413.642)	340.536.015.822	373.058.270.895
Các khoản phải thu khác	12.727.303.456	(11.309.238.591)	42.755.930.558	(1.963.294.620)	1.418.064.865	40.792.635.938
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	748.930.971.538	(55.176.607.608)	559.780.271.534	(10.249.720.930)	693.754.363.930	549.530.550.604
Cộng	2.122.860.868.249	(88.455.065.000)	1.513.804.059.831	(35.587.429.192)	2.034.405.803.249	1.478.216.630.639

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	452.330.474.653	390.516.206.065	452.330.474.653
Phải trả người bán	19.863.623.400	56.808.880.104	19.863.623.400	56.808.880.104
Các khoản phải trả khác	499.734.849.716	47.104.633.745	499.734.849.716	47.104.633.745
Cộng	971.928.947.769	494.429.719.914	971.928.947.769	494.429.719.914

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng có giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày kết thúc năm tài chính thì giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do 3 công ty chứng khoán công bố.

6. Thông tin so sánh

Số dư đầu năm của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số liệu năm trước của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn đã được điều chỉnh Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 38/2014/XĐGTDN/CPA HANOI ngày 06 tháng 3 năm 2014 của Công ty TNHH kiểm toán và kế toán Hà Nội sau khi được nhận Quyết định phê duyệt giá trị định giá lại giá trị doanh nghiệp lần 01.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	Số liệu theo		Số liệu theo	Chênh lệch
	Báo cáo tài chính hợp nhất đầu năm nay	Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước		
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1.254.004.648.942	1.375.695.485.349	(121.690.836.407)
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	452.589.020.842	469.790.761.761	(17.201.740.919)
Tiền	111	87.627.865.223	94.029.606.142	(6.401.740.919)
Các khoản tương đương tiền	112	364.961.155.619	375.761.155.619	(10.800.000.000)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	66.054.179.573	66.054.179.573	-
Đầu tư ngắn hạn	121	74.203.900.503	75.703.900.503	(1.500.000.000)
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	(8.149.720.930)	(9.649.720.930)	1.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	424.261.135.109	500.619.811.015	(76.358.675.906)
Phải thu khách hàng	131	396.432.684.537	474.544.570.907	(78.111.886.370)
Trả trước cho người bán	132	13.066.563.350	16.478.323.110	(3.411.759.760)
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-	-
Các khoản phải thu khác	135	41.308.484.887	69.727.921.741	(28.419.436.854)
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	(26.546.597.665)	(60.131.004.743)	33.584.407.078
Hàng tồn kho	140	267.979.302.317	276.308.791.897	(8.329.489.580)
Hàng tồn kho	141	270.995.343.701	279.324.833.281	(8.329.489.580)
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(3.016.041.384)	(3.016.041.384)	-

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đầu năm nay	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Chênh lệch
Tài sản ngắn hạn khác	150	43.121.011.101	62.921.941.103	(19.800.930.002)
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.580.350.987	3.506.909.174	(1.926.558.187)
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	20.056.607.287	22.105.600.080	(2.048.992.793)
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	2.640.128.536	4.501.495.731	(1.861.367.195)
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157	-	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	18.843.924.291	32.807.936.118	(13.964.011.827)
TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1.016.414.692.663	725.283.076.035	291.131.616.628
Tài sản cố định	220	280.986.057.915	366.999.934.542	(86.013.876.627)
Tài sản cố định hữu hình	221	232.046.436.376	334.805.535.585	(102.759.099.209)
Nguyên giá	222	632.161.936.689	824.678.272.077	(192.516.335.388)
Giá trị hao mòn lũy kế	223	(400.115.500.313)	(489.872.736.492)	89.757.236.179
Tài sản cố định vô hình	227	40.986.830.136	15.723.366.824	25.263.463.312
Nguyên giá	228	45.040.393.162	20.031.940.690	25.008.452.472
Giá trị hao mòn lũy kế	229	(4.053.563.026)	(4.308.573.866)	255.010.840
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7.952.791.403	16.471.032.133	(8.518.240.730)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	726.273.882.629	329.324.152.870	396.949.729.759
Đầu tư vào công ty liên kết; liên doanh	252	180.551.359.238	192.126.086.266	(11.574.727.028)
Đầu tư dài hạn khác	258	547.822.523.391	179.202.667.361	368.619.856.030
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	(2.100.000.000)	(42.004.600.757)	39.904.600.757
Tài sản dài hạn khác	260	9.154.752.119	28.958.988.623	(19.804.236.504)
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.835.141.532	24.615.467.926	(19.780.326.394)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.307.610.587	4.307.610.587	-
Tài sản dài hạn khác	268	12.000.000	35.910.110	(23.910.110)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.270.419.341.605	2.100.978.561.384	169.440.780.221
NỢ PHẢI TRẢ	300	582.005.267.713	706.133.768.151	(124.128.500.438)
Nợ ngắn hạn	310	574.954.862.545	691.313.321.080	(116.358.458.535)
Vay và nợ ngắn hạn	311	389.499.228.065	425.702.617.524	(36.203.389.459)
Phải trả người bán	312	56.808.880.104	76.304.829.104	(19.495.949.000)
Người mua trả tiền trước	313	19.491.576.451	24.257.898.543	(4.766.322.092)
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	22.949.925.759	30.226.062.864	(7.276.137.105)
Phải trả người lao động	315	37.068.478.466	42.389.183.568	(5.320.705.102)
Chi phí phải trả	316	22.158.550.562	34.163.297.344	(12.004.746.782)
Phải trả nội bộ	317	-	-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22.537.551.452	53.184.365.605	(30.646.814.153)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.440.671.686	5.085.066.528	(644.394.842)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đầu năm nay	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Chênh lệch
Nợ dài hạn	330	7.050.405.168	14.820.447.071	(7.770.041.903)
Phải trả dài hạn người bán	331	-	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
Phải trả dài hạn khác	333	4.909.159.673	4.915.659.673	(6.500.000)
Vay và nợ dài hạn	334	1.016.978.000	8.780.519.903	(7.763.541.903)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	338	1.124.267.495	1.124.267.495	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	1.539.864.015.814	1.246.269.912.525	293.594.103.289
Vốn chủ sở hữu	410	1.539.864.015.814	1.246.269.912.525	293.594.103.289
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	912.910.941.585	839.030.527.000	73.880.414.585
Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	413	167.067.659	17.824.379.799	(17.657.312.140)
Cổ phiếu quỹ	414	-	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	502.208.550.163	-	502.208.550.163
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	12.118.128.491	59.180.435.198	(47.062.306.707)
Quỹ dự phòng tài chính	418	4.487.997.743	50.716.730.179	(46.228.732.436)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	82.935.425.380	199.046.859.788	(116.111.434.408)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	25.014.889.992	(25.014.889.992)
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	25.035.904.793	55.456.090.569	(30.420.185.776)
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	148.550.058.078	148.574.880.708	(24.822.630)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.270.419.341.605	2.100.978.561.384	169.440.780.221

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đầu năm nay	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Chênh lệch
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	3.225.730.316.334	3.466.259.409.929	(240.529.093.595)
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.514.927.628	7.514.927.628	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	3.218.215.388.706	3.458.744.482.301	(240.529.093.595)
Giá vốn hàng bán	11	3.011.207.988.335	3.232.053.439.284	(220.845.450.949)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	207.007.400.371	226.691.043.017	(19.683.642.646)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	100.233.927.387	112.669.161.206	(12.435.233.819)
Chi phí tài chính	22	47.850.914.823	52.192.957.485	(4.342.042.662)
Trong đó: chi phí lãi vay	23	31.659.394.579	35.595.152.192	(3.935.757.613)
Chi phí bán hàng	24	63.292.288.410	65.168.071.051	(1.875.782.641)

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: 2-4-6 Đường Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đầu năm nay	Số liệu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm trước	Chênh lệch
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	142.559.691.860	156.940.973.928	(14.381.282.068)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	53.538.432.665	65.058.201.759	(11.519.769.094)
Thu nhập khác	31	36.740.017.507	38.704.473.712	(1.964.456.205)
Chi phí khác	32	20.617.487.679	22.298.940.400	(1.681.452.721)
Lợi nhuận khác	40	16.122.529.828	16.405.533.312	(283.003.484)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	45	9.944.821.160	23.768.875.698	(13.824.054.538)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	79.605.783.653	105.232.610.769	(25.626.827.116)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.902.452.326	6.996.551.496	(94.099.170)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	296.488.583	202.389.413	94.099.170
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	72.406.842.744	98.033.669.860	(25.626.827.116)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	2.826.418.961	2.826.394.615	24.346
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	69.580.423.783	95.207.275.245	(25.626.851.462)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2015



Võ Thị Hiền
Người lập biểu



Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



Trần Tân Tâm
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận I, TP Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Số đầu năm trước	839.030.527.000	167.067.659	-	58.601.284.103	48.714.754.780	145.045.994.681	25.014.889.992	55.450.546.569	1.172.025.064.784
Tăng vốn từ lợi nhuận	95.270.874.694	-	-	579.100.621	2.645.561.059	(95.270.874.694)	-	-	3.224.661.680
Tăng vốn từ quỹ đầu tư phát triển	47.062.256.233	-	-	(47.062.256.233)	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ quỹ dự phòng đầu tư tài chính	46.225.294.862	-	-	-	(46.225.294.862)	-	-	-	-
Tăng vốn từ nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	25.014.889.992	-	-	-	-	-	(25.014.889.992)	-	-
Tăng vốn từ quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	55.456.090.569	-	-	-	-	-	-	(55.456.090.569)	-
Giảm vốn từ Biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp	(195.148.991.765)	-	-	-	-	-	-	-	(195.148.991.765)
Tăng theo Quyết định số 1880/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2014	-	-	502.208.550.163	-	-	-	-	-	502.208.550.163
Xử lý nợ từ nguồn quỹ dự phòng đầu tư tài chính	-	-	-	-	(647.023.234)	-	-	-	(647.023.234)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	69.580.423.783	-	-	69.580.423.783
Tăng khác theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế các năm trước	-	-	-	-	-	170.123.655	-	-	170.123.655
Chi nộp phạt theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế các năm trước	-	-	-	-	-	(292.181.060)	-	-	(292.181.060)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	(4.196.282.415)	-	-	(4.196.282.415)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	(7.074.020.708)	-	-	(7.074.020.708)
Chuyển lợi nhuận về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(24.547.110.252)	-	24.547.110.252	-
Quỹ bồi thường người lao động do cổ phần hóa	-	-	-	-	-	-	-	488.794.541	488.794.541
Tăng khác	-	-	-	-	-	(480.647.610)	-	5.544.000	(475.103.610)
Số dư cuối năm trước	912.910.941.585	167.067.659	502.208.550.163	12.118.128.491	4.487.997.743	82.935.425.380	-	25.035.904.793	1.539.864.015.814

TỔNG CÔNG TY THỦY SẢN VIỆT NAM - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Địa chỉ: Số 2 - 4 - 6 đường Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Phụ lục: **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Đơn vị tính: VND								
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Số dư đầu năm nay	912.910.941.585	167.067.659	502.208.550.163	12.118.128.491	4.487.997.743	82.935.425.380	-	25.035.904.793	1.539.864.015.814
Lợi nhuận trong năm này	-	-	-	-	-	195.175.027.373	-	-	195.175.027.373
Tăng/ giảm từ thanh lý Công ty con	-	-	-	(246.610.012)	(41.705.826)	288.315.838	-	-	-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.911.062.776)	-	-	(7.911.062.776)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	603.541.917	(603.541.917)	-	-	-
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	59.867.205.801	-	(59.867.205.801)	-	-	-
Thường Ban điều hành, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	(1.453.025.225)	-	-	(1.453.025.225)
Chuyển nguồn về Công ty mua bán nợ - Trường Nghệ	(3.967.776.386)	-	-	-	-	-	-	-	(3.967.776.386)
Chuyển về quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	-	-	(104.228.671.043)	-	104.228.671.043	-
Chuyển tiền vào ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	(76.735.405.285)	(76.735.405.285)
Tăng từ thu nhập nợ phải trả không xác định được chủ nợ, không có người đòi	-	-	-	-	-	1.692.726.593	-	-	1.692.726.593
Điều chỉnh giảm khác giá trị đầu tư do phân phối lợi nhuận của các cty liên kết trong năm 2014	-	-	-	-	-	(2.355.445.522)	-	-	(2.355.445.522)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	(257.439.957)	-	-	(257.439.957)
Số dư cuối năm	908.943.165.199	167.067.659	502.208.550.163	71.738.724.280	5.049.833.834	103.415.102.943	-	52.529.170.551	1.644.051.614.629

Handwritten signature

Võ Thị Hiền
Người lập biểu

Handwritten signature

Bùi Thị Phương Thảo
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 6 năm 2015

Handwritten signature
Trần Tấn Tâm
Tổng Giám đốc